

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày 15-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;
2. Ông Lê Hoàng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sbank).

Địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn Công N; chức vụ: Giám đốc Sbank - Chi nhánh Trà Vinh.

Ông Đỗ Văn Công N ủy quyền cho ông Châu Thế T; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ của Sbank - Chi nhánh Trà Vinh (văn bản ủy quyền số 20/2022/GUQ-CNTV ngày 01 tháng 6 năm 2022) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 475 N, Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn trình bày: Ngày 11 tháng 8 năm 2011, ông Nguyễn Văn L có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản, Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn L, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 84.900.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Văn L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 132.754.700 đồng (trong đó nợ gốc là 71.368.358 đồng, số tiền lãi và phí là 61.386.342 đồng). Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông L không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25 tháng 01 năm 2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022, ông Nguyễn Văn L còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc: 13.531.642 đồng.

Lãi quá hạn: 9.428.776 đồng.

Tổng cộng: 22.960.418 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện nhưng ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền tạm tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022 là 22.960.418 đồng. Trong đó tiền gốc là 13.531.642 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.428.776 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16 tháng 7 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Ông Nguyễn Văn L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Tại phiên tòa, ông Châu Thế T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc ông Nguyễn Văn L xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh là có thật, thể hiện qua Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo hồ sơ vay vốn của ông L. Căn cứ các bản tóm tắt sao kê Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh cung cấp thì tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022 ông Nguyễn Văn L còn chưa thanh toán cho ngân hàng số tiền 22.960.418 đồng. Trong đó tiền gốc là 13.531.642 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.428.776 đồng. Đối với ông Nguyễn Văn L là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng ông L đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án. Điều đó cho thấy ông L cũng không có ý kiến phải đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đưa ra đồng thời từ bỏ quyền được tự chứng minh của bản thân. Do ông Nguyễn Văn L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn L thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 22.960.418 đồng. Trong đó tiền gốc là 13.531.642 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.428.776 đồng (tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022).

[3] Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản, Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, gọi chung là hợp đồng) xác lập ngày 11 tháng 8 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Văn L.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 7; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 22.960.418 đồng. Trong đó tiền gốc là 13.531.642 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.428.776 đồng (tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2022).

Kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản, Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) xác lập ngày 11 tháng 8 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Văn L.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu 1.148.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 529.200 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0010141 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa